

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1923 /PC1-KTNB

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

- Mã chứng khoán: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

- Điện thoại: 024 37343060

- Fax: 024 38231997

- Email: cbtt@pc1group.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 công bố thông tin BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét và giải trình sự biến động của lợi nhuận sau thuế trên BCTC bán niên năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày

29 /08/2022 tại đường dẫn: <http://pc1group.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Anh Dương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PCI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0935/2022/CV-PC1-BTC
V/v: Giải trình biến động LNST 6
tháng đầu năm 2022 đã được soát xét
và so với 6 tháng đầu năm 2021

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006,
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” ngày 16 tháng 11 năm 2020,
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2022 tại Báo cáo kết quả kinh doanh trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét so với cùng kỳ năm 2021 có sự chênh lệch trên 10% như sau:

1. Biến động lợi nhuận trên kết quả kinh doanh BCTC riêng

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2022 là 228,7 tỷ đồng giảm 77,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, tương ứng với mức giảm 25,4% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2022 thấp hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu lĩnh vực xây lắp giảm so với cùng kỳ năm trước (6 tháng đầu năm 2021 là giai đoạn cao điểm thi công các hợp đồng EPC dự án điện gió trong đó có 3 dự án Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên để kịp phát điện trước 31/10 nên doanh thu lĩnh vực Xây lắp và thiết bị ngành điện cao đột biến so với cùng kỳ các năm).

2. Biến động lợi nhuận trên kết quả kinh doanh BCTC hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2022 trên báo cáo KQKD hợp nhất 6 tháng năm 2022 là 247,2 tỷ đồng giảm 174,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, tương ứng với mức giảm 41,4% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng năm 2022 thấp hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu do cùng kỳ năm trước ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính từ đánh giá lại khoản đầu tư khi tăng đầu tư từ Công ty liên kết thành Công ty con 262 tỷ đồng.
- Chi phí hoạt động tài chính 6 tháng năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do 3 dự án điện gió đi vào vận hành nên phát sinh chi phí lãi vay và chi phí tài chính tăng từ việc đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản vay ngoại tệ cuối kỳ.
- Lãi từ công ty liên doanh, liên kết giảm 42,9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hợp tác của Quý cơ quan.
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- B.KTNB (P/h);
- Lưu VT, BTC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Anh Dương



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

0100100745

ngày 2 tháng 3 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 2 tháng 3 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn
Ông Vũ Ánh Dương
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Mai Lương Việt

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ánh Dương
Ông Đặng Quốc Tường
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Nhật Tân
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Vũ Văn Tứ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28/1/2022)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà
Ông Hoàng Văn Cường
Ông Hoàng Văn Sáng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Vũ Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

ĐƠN
PHIẾ
PI
ÊN



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.990.203.150.412	4.280.149.404.002
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	1.340.914.200.574	1.358.886.612.081
Tiền	111		36.514.200.574	27.886.612.081
Các khoản tương đương tiền	112		1.304.400.000.000	1.331.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		120.253.941.958	140.791.658.746
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	120.253.941.958	140.791.658.746
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.269.212.384.911	2.545.435.339.789
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	1.194.856.777.723	1.761.013.705.237
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	555.227.029.021	220.813.526.684
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	12	41.721.185.253	119.556.381.433
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	255.941.879.297	213.378.473.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	14	230.091.029.473	237.497.814.548
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(8.625.515.856)	(6.824.562.013)
Hàng tồn kho	140	16	248.678.361.545	233.383.972.887
Hàng tồn kho	141		248.678.361.545	233.383.972.887
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.144.261.424	1.651.820.499
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.092.405.928	295.877.083
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.046.923.888	2.943.416
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		4.931.608	1.353.000.000
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		6.775.018.646.031	5.842.386.703.217
Tài sản cố định	220		2.197.727.391.417	2.255.669.554.997
Tài sản cố định hữu hình	221	17	2.195.784.658.399	2.253.565.409.650
<i>Nguyên giá</i>	222		2.726.126.438.534	2.721.620.287.625
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(530.341.780.135)	(468.054.877.975)
Tài sản cố định vô hình	227	18	1.942.733.018	2.104.145.347
<i>Nguyên giá</i>	228		2.706.470.000	2.706.470.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(763.736.982)	(602.324.653)
Bất động sản đầu tư	230	19	82.438.348.547	85.285.775.367
<i>Nguyên giá</i>	231		125.823.873.019	125.823.873.019
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(43.385.524.472)	(40.538.097.652)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.904.884.127	3.104.884.127
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	1.904.884.127	3.104.884.127

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.413.265.653.299	3.447.908.583.299
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	2.876.293.512.092	2.810.936.442.092
Đầu tư vào công ty liên kết	252	9(b)	1.534.748.756.168	424.748.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	4.821.770.000	214.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.598.384.961)	(2.598.384.961)
Tài sản dài hạn khác	260		79.682.368.641	50.417.905.427
Chi phí trả trước dài hạn	261	21	79.682.368.641	50.417.905.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.765.221.796.443	10.122.536.107.219
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.307.930.171.543	5.853.149.065.508
Nợ ngắn hạn	310		3.477.301.438.132	4.265.951.114.684
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	697.799.744.228	1.468.937.606.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	242.678.266.876	100.980.626.480
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	24	39.762.191.811	25.083.969.152
Phải trả người lao động	314		20.462.467.179	18.561.724.866
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	337.460.929.812	381.759.646.450
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		353.400.000	351.846.593
Phải trả ngắn hạn khác	319	26	30.059.237.736	35.011.482.907
Vay ngắn hạn	320	27(a)	1.983.320.174.166	2.133.714.530.914
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	125.405.026.324	101.549.681.225
Nợ dài hạn	330		2.830.628.733.411	1.587.197.950.824
Phải trả dài hạn khác	337		1.430.552.649	1.130.770.775
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	27(b)	2.824.828.028.699	1.581.697.027.986
Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	4.370.152.063	4.370.152.063

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.457.291.624.900	4.269.387.041.711
Vốn chủ sở hữu	410	30	4.457.291.624.900	4.269.387.041.711
Vốn cổ phần	411	31	2.351.596.490.000	2.351.596.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.351.596.490.000	2.351.596.490.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		198.031.531.421	198.031.531.421
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.131.894.602.151	943.990.018.962
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		903.189.251.515	633.064.793.941
- LNST kỳ này/năm nay	421b		228.705.350.636	310.925.225.021
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		10.765.221.796.443	10.122.536.107.219

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	1.957.018.457.043	7.122.263.454.731
Giá vốn hàng bán	11	34	1.633.464.049.469	6.691.188.537.403
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		323.554.407.574	431.074.917.328
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	82.811.695.097	27.778.749.867
Chi phí tài chính	22	36	115.590.719.976	44.229.233.352
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>115.252.732.789</i>	<i>97.439.570.275</i>
Chi phí bán hàng	25	37	6.484.218.824	8.773.022.764
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	39.732.442.926	44.138.741.600
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		244.558.720.945	361.712.669.479
Thu nhập khác	31	39	484.766.154	12.302.727.419
Chi phí khác	32		1.284.251.239	2.523.330.282
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(799.485.085)	9.779.397.137
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		243.759.235.860	371.492.066.616
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	15.053.885.224	65.087.408.243
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		228.705.350.636	306.404.658.373

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



CÔNG TY
 CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
 PC1
 Đ. ĐÔNG PHƯƠNG, P. HÀ NỘI

Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	243.759.235.860	371.492.066.616
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	66.230.218.581	64.643.824.989
Các khoản dự phòng	03	1.800.953.843	(58.563.332.021)
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	(153.162.591)	(2.746.574.334)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(80.902.228.527)	(22.572.701.030)
Chi phí lãi vay	06	115.252.732.789	97.439.570.275
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	345.987.749.955	449.692.854.495
Biến động các khoản phải thu	09	333.394.376.014	(1.934.293.125.198)
Biến động hàng tồn kho	10	(15.294.388.658)	(403.064.624.576)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(665.987.633.507)	705.576.310.778
Biến động chi phí trả trước	12	(29.020.992.059)	(2.317.960.955)
		(30.920.888.255)	(1.184.406.545.456)
Tiền lãi vay đã trả	14	(101.572.887.234)	(92.765.171.669)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.203.194.199)	(59.083.337.172)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.945.422.348)	(6.172.329.972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(151.642.392.036)	(1.342.427.384.269)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(32.264.199.733)	(67.716.478.100)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	204.890.910	1.554.545.454
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(193.245.502.647)	(196.977.401.172)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	176.150.904.058	62.891.072.771
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(965.357.070.000)	(937.019.010.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	55.428.997.277	18.446.455.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(959.081.980.135)	(1.118.820.815.116)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.550.076.150.887	4.454.880.529.031
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.457.339.506.922)	(2.573.074.521.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.092.736.643.965	1.881.806.007.819
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(17.987.728.206)	(579.442.191.566)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.358.886.612.081	1.300.061.223.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.316.699	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	1.340.914.200.574	720.619.032.092

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:

 



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 22 ngày 2 tháng 3 năm 2022.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, buro chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 24 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b) (1/1/2022: Công ty có 24 công ty con và 2 công ty liên kết).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 268 nhân viên (1/1/2022: 249 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	4 – 5 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 25 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn, chi phí nạo vét hạ lưu thủy điện và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng đã hoàn thành. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Ngoài các thông tin trình bày trong Thuyết minh 1(d) và 9(b), không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	564.567.011	671.131.775
Tiền gửi ngân hàng	35.949.633.563	27.215.480.306
Các khoản tương đương tiền	1.304.400.000.000	1.331.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.340.914.200.574	1.358.886.612.081
	<hr/>	<hr/>

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị
	VND	hợp lý	VND	hợp lý
		VND		VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	120.253.941.958	120.253.941.958	140.791.658.746	140.791.658.746
	<hr/>		<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	30/6/2022 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100%	25.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Hà Nội	100%	10.236.009.597	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	Hà Nội	100%	15.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	Hà Nội	100%	10.549.569.422	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Hà Nội	100%	5.942.874.315	-	(**)
• Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	Hà Nội	100%	725.509.851	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	Ninh Bình	100%	10.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90%	28.832.168.426	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60%	151.200.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(**)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	412.360.070.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	99,00%	29.700.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(**)
			2.876.293.512.092	-	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			30/6/2022		
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Western Pacific (*)	TP Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	-	(**)
			1.534.748.756.168	-	
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(2.598.384.961)	(**)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	1.555.438.500
			4.821.770.000	(2.598.384.961)	
			4.415.864.038.260	(2.598.384.961)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			1/1/2022		
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100%	25.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Hà Nội	100%	10.236.009.597	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	Hà Nội	100%	15.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	Hà Nội	100%	10.549.569.422	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Hà Nội	100%	5.942.874.315	-	(**)
• Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	Hà Nội	100%	725.509.851	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	Ninh Bình	100%	10.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90%	28.832.168.426	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60%	151.200.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(**)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	347.003.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	99,00%	29.700.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(**)
			2.810.936.442.092	-	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			1/1/2022		
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(**)
			424.748.756.168	-	
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Western Pacific (*)	TP Hồ Chí Minh	7%	210.000.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(2.598.384.961)	(**)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	1.722.590.100
			214.821.770.000	(2.598.384.961)	
			3.450.506.968.260	(2.598.384.961)	

(*) Ngày 4 tháng 4 năm 2022, Công ty Cổ phần Western Pacific trở thành công ty liên kết của Công ty sau khi Công ty hoàn tất việc mua lại 7.000.000 cổ phần từ các cổ đông hiện hữu và mua thêm 11.500.000 cổ phần phát hành mới (trương đương tăng thêm 23,08% quyền sở hữu) và nâng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại công ty này từ 7% lên 30,08%.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	117.774.278.944	81.552.967.002
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	96.762.858.500	93.380.035.175
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	85.932.358.717	223.104.376.619
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	69.655.833.853	203.741.139.244
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	62.944.225.795	132.568.743.164
Các khoản phải thu khách hàng khác	761.787.221.914	1.026.666.444.033
	1.194.856.777.723	1.761.013.705.237

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	30.181.986.202	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	3.235.894.111	424.320.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	2.983.200.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	824.733.293	573.965.732
Công ty TNHH MTV PC1 Năng Hương	380.014.981	1.566.274.196
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	311.543.372	178.123.133
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	192.714.387	79.730.710
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ	190.561.260	1.320.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	97.188.797	9.587.249
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	63.720.000	191.156.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	52.416.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	37.422.583	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	17.291.632	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	-	2.981.884.400
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	-	429.429.763
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	-	18.569.808
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	61.586.165.757	74.982.686.249
	100.154.852.375	81.437.047.240

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	7.143.796.743	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	3.935.730.667	-
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	9.327.987.673	-
Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK – công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	-	31.500.000
Bên khác		
Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	104.907.085.427	69.918.260.478
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	95.988.840.482	95.988.840.482
Zhongtian Technology Submarine Cable Co., Ltd.	89.321.361.272	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Đông Nam	37.741.629.442	5.698.687.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Sĩ	35.818.631.471	-
Công ty Cổ phần Vận tải Liên Hiệp Huy Hoàng	25.737.129.630	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	145.304.836.214	49.176.238.124
	555.227.029.021	220.813.526.684

12. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty con		
EPC Dự án Điện gió Liên Lập - Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	15.669.196.737	59.857.640.970
EPC Dự án Điện gió Phong Nguyên - Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	13.598.064.667	18.717.116.482
EPC Dự án Điện gió Phong Huy - Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	12.453.923.849	25.479.249.305
Bên khác		
Dự án Trang trại Điện gió Trà Vinh - Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	-	15.502.374.676
	41.721.185.253	119.556.381.433

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	75.000.000.000	76.228.767.123
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	63.360.377.986	50.154.950.051
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	63.360.377.986	50.154.950.051
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	13.032.180.645	12.650.863.995
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	2.000.000.000	-
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.400	16.302.693.400
Bên khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1	2.886.249.280	2.886.249.280
	<hr/>	<hr/>
	255.941.879.297	213.378.473.900
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 6% đến 6,5%/năm (1/1/2022: 6% đến 6,5%/năm).

20
NG
HIỆM
M
M -

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	147.796.534.625	187.254.855.632
Tạm ứng	48.364.044.036	36.740.108.437
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia (**)	24.423.330.381	5.206.594.802
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay (**)	4.857.563.271	3.737.048.530
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	418.555.690	418.555.690
Ký cược, ký quỹ	268.380.000	268.380.000
Phải thu về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	261.703.864	223.268.565
Phải thu khác	1.549.285.406	1.497.370.692
	230.091.029.473	237.497.814.548
	230.091.029.473	237.497.814.548

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại.

(**) Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	24.423.330.381	5.206.594.802
Phải thu lãi cho vay	3.344.827.044	2.056.841.569
	27.768.157.425	7.263.436.371
	27.768.157.425	7.263.436.371

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2022			Thời gian quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	10.305.473.583	(3.091.642.075)	7.213.831.508	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Trên 3 năm	2.049.842.044	(2.049.842.044)	-	Trên 3 năm	2.049.842.044	(2.049.842.044)	-
Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-
	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	500.000.000	(350.000.000)	150.000.000	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	5.135.627.441	(1.640.688.232)	3.494.939.209
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	563.843.847	(563.843.847)	-	Trên 3 năm	563.843.847	(563.843.847)	-
		<u>15.989.347.364</u>	<u>(8.625.515.856)</u>	<u>7.363.831.508</u>		<u>10.319.501.222</u>	<u>(6.824.562.013)</u>	<u>3.494.939.209</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(8.625.515.856)

(6.824.562.013)



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	23.110.700.081	-	23.110.700.159	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	223.000.034.940	-	209.553.810.699	-
Hàng hóa	2.567.626.524	-	719.462.029	-
	248.678.361.545	-	233.383.972.887	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện:</i>		
Gói 6 Cung cấp và lắp đặt MBA, VTTB TBA Dự án Xây dựng mới TBA 110kV CNC2 và nhánh rẽ	44.156.974.451	86.891.620
Gói thầu CPC-Hue4-PC: Cung cấp vật tư và thi công xây dựng ĐZ trên không và cáp ngầm 110kV DA TBA 110kV Huế 4 và đấu nối	18.693.126.178	-
Dự án nhà máy điện gió gần bờ Tân Phú Đông 2	13.054.408.212	-
Gói thầu: Thiết kế, mua sắm, thi công TBA và ĐZ 220kV - Nhà máy Điện gió Hưng Hải Gia Lai	6.100.144.285	13.769.238.589
Gói thầu cung cấp kháng điện 110kV-40MVar Dự án: TBA 220kV Trương Dương và đấu nối	-	46.185.724.831
Gói 4 - Xây lắp đường dây từ điểm đầu đến G7 - Dự án ĐZ 500 kV Sông Hậu - Đức Hòa	-	20.132.443.575
Cung cấp vật tư, vật liệu và thi công gói 18: Xây lắp cung đoạn G10-1 đến điểm cuối dự án: TBA 220kV Đông Hà - Lao Bảo và ĐZ 220kV Đông Hà - Lao Bảo	-	6.258.033.509
Các công trình, dự án khác	133.221.568.612	112.391.250.944
<i>Dự án kinh doanh bất động sản:</i>		
Dự án PC1 Bắc Từ Liêm (Khu nhà ở để bán G5-CT2 và G8 - CT3)	7.491.426.417	7.491.426.417
Dự án Khu nhà ở PC1 Gia Lâm	218.001.785	165.454.545
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	64.385.000	3.073.346.669
	223.000.034.940	209.553.810.699

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.347.681.558.993	1.203.902.822.459	159.710.404.795	9.371.826.168	953.675.210	2.721.620.287.625
Tăng trong kỳ	65.000.000	100.000.000	-	356.428.181	57.200.000	578.628.181
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.862.000.000	-	-	-	4.862.000.000
Thanh lý	-	-	(819.636.363)	(114.840.909)	-	(934.477.272)
Số dư cuối kỳ	1.347.746.558.993	1.208.864.822.459	158.890.768.432	9.613.413.440	1.010.875.210	2.726.126.438.534
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	183.818.381.711	211.188.719.265	65.028.303.294	7.174.868.671	844.605.034	468.054.877.975
Khấu hao trong kỳ	23.988.770.895	31.261.435.779	7.496.736.040	423.383.877	51.052.841	63.221.379.432
Thanh lý	-	-	(819.636.363)	(114.840.909)	-	(934.477.272)
Số dư cuối kỳ	207.807.152.606	242.450.155.044	71.705.402.971	7.483.411.639	895.657.875	530.341.780.135
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.163.863.177.282	992.714.103.194	94.682.101.501	2.196.957.497	109.070.176	2.253.565.409.650
Số dư cuối kỳ	1.139.939.406.387	966.414.667.415	87.185.365.461	2.130.001.801	115.217.335	2.195.784.658.399

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có tài sản cố nguyên giá 32.191 triệu VND (1/1/2022: 30.227 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.109.471 triệu VND (1/1/2022: 2.164.231 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	602.324.653	602.324.653
Khấu hao trong kỳ	-	161.412.329	161.412.329
Số dư cuối kỳ	-	763.736.982	763.736.982
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.108.070.000	996.075.347	2.104.145.347
Số dư cuối kỳ	1.108.070.000	834.663.018	1.942.733.018

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 110 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại chung cư PCC1 Hà Đông Complex VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	125.823.873.019
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4.500.492.554	30.691.661.320	5.345.943.778	40.538.097.652
Khấu hao trong kỳ	197.750.772	2.168.275.141	481.400.907	2.847.426.820
Số dư cuối kỳ	4.698.243.326	32.859.936.461	5.827.344.685	43.385.524.472
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	6.576.032.621	59.786.165.554	18.923.577.192	85.285.775.367
Số dư cuối kỳ	6.378.281.849	57.617.890.413	18.442.176.285	82.438.348.547

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.104.884.127	4.456.563.367
Tăng trong kỳ	4.702.000.000	31.546.388.837
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.862.000.000)	(11.201.650.207)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.040.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	1.904.884.127	24.801.301.997

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.898.974.345	5.485.786.711	34.033.260.879	8.999.883.492	50.417.905.427
Tăng trong kỳ	1.208.627.343	3.396.706.049	-	34.223.175.708	38.828.509.100
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.040.000.000	1.040.000.000
Phân bổ trong kỳ	(1.012.972.803)	(1.966.081.770)	(317.238.030)	(7.307.753.283)	(10.604.045.886)
Số dư cuối kỳ	2.094.628.885	6.916.410.990	33.716.022.849	36.955.305.917	79.682.368.641

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4 được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
Công trình Thủy điện Sông Nhiệm 4	Quyết định số 373/QĐ-CT ngày 3/6/2020	549.384.183
	Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 3/8/2020	5.174.745.600

Chi phí giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuê đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 2.428.339.211 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	96.292.278.632	66.264.776.820
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	72.170.458.453	112.282.778.903
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	58.294.829.816	135.871.938.419
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	43.934.145.323	34.621.872.743
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	37.604.506.988	51.994.331.177
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	25.744.657.670	13.606.068.540
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	23.527.855.909	71.878.835.080
Vestas Asia Pacific A/S	17.193.012.464	232.603.917.960
Phải trả các đối tượng khác	323.037.998.973	749.813.086.455
	<hr/>	<hr/>
	697.799.744.228	1.468.937.606.097
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	72.170.458.453	112.282.778.903
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	58.294.829.816	135.871.938.419
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	43.934.145.323	34.621.872.743
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	37.604.506.988	51.994.331.177
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	25.744.657.670	13.606.068.540
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	15.188.785.444	31.543.003.077
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ	15.108.900.010	29.169.591.393
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	1.349.102.359	12.715.520.095
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	1.285.422.987	29.839.440.038
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	9.192.724	9.192.724
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	-	13.263.781.252
Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	-	1.443.017.717
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	-	31.615.331
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	-	18.569.818
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK – công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	1.583.042.368	-
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	-	8.654.481.941
	272.273.044.142	475.065.203.168

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	15.959.064.591	19.295.098.521
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	9.578.172.064	10.761.498.061
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	24.692.908.478
Bên khác		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	83.740.909.091	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	71.515.453.438	-
Ban Quản lý Dự án Điện 1	14.674.774.129	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	12.714.828.088	-
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội	12.136.746.775	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	-	28.171.359.760
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực	-	7.109.775.474
Người mua trả tiền trước khác	22.358.318.700	10.949.986.186
	242.678.266.876	100.980.626.480

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	18.281.789.558	40.783.245.120	(45.214.797.158)	13.850.237.520
Thuế xuất nhập khẩu	-	8.895.900	(8.895.900)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.930.875.320	15.053.885.224	(2.203.194.199)	14.781.566.345
Thuế thu nhập cá nhân	106.122.346	6.239.904.734	(6.122.170.403)	223.856.677
Thuế tài nguyên	1.393.046.736	17.836.962.308	(12.840.750.287)	6.389.258.757
Thuế nhà đất	-	2.020.103.936	(2.020.103.936)	-
Thuế nhà thầu	-	1.130.549.362	(1.130.549.362)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.372.135.192	10.664.747.447	(9.519.610.127)	4.517.272.512
	25.083.969.152	93.738.294.031	(79.060.071.372)	39.762.191.811

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ trình bày thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp	262.304.172.175	321.589.580.364
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện hoàn thành	40.449.321.928	40.843.624.360
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	29.667.072.158	19.326.441.726
Chi phí trích trước quản lý vận hành các nhà máy thủy điện	5.040.363.551	-
	<hr/>	<hr/>
	337.460.929.812	381.759.646.450
	<hr/>	<hr/>

26. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi vay phải trả các công ty liên quan	16.634.889.320	13.295.674.197
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	10.343.274.743	10.154.475.844
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.319.107.803	6.900.185.277
Kinh phí công đoàn	727.041.778	481.695.158
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.034.924.092	4.179.452.431
	<hr/>	<hr/>
	30.059.237.736	35.011.482.907
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2022	Biến động trong kỳ		30/6/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.055.640.530.914	2.228.147.150.174	(2.376.403.506.922)	1.907.384.174.166
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 27(b))	78.074.000.000	55.998.000.000	(58.136.000.000)	75.936.000.000
	<u>2.133.714.530.914</u>	<u>2.284.145.150.174</u>	<u>(2.434.539.506.922)</u>	<u>1.983.320.174.166</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty con			
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	VND	38.700.000.000	98.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	-	3.000.000.000
Các bên khác			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	742.080.737.632	487.562.337.967
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	VND	299.027.425.450	497.843.841.474
Công ty TNHH Ngân hàng Trung Quốc	VND	289.061.796.643	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	234.897.095.791	654.496.562.386
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	203.617.118.650	308.994.286.515
Ngân hàng Woori Bank - Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	VND	-	5.043.502.572
		1.907.384.174.166	2.055.640.530.914

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 đến 9 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn (i)	1.943.764.028.699	1.659.771.027.986
Trái phiếu (ii)	957.000.000.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 27(a))	(75.936.000.000)	(78.074.000.000)
	2.824.828.028.699	1.581.697.027.986

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty con						
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3%	2023	Tín chấp	140.000.000.000	140.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	3%	2023	Tín chấp	10.350.371.918	20.350.371.918
Các bên khác						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ Chương trình Phát triển Năng lượng Tái tạo (REDP) của Ngân hàng Thế giới	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	434.568.395.700	451.968.395.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	370.709.898.607	394.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	312.609.172.810	335.145.172.810
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	152.212.523.972	159.212.523.972
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	158.384.664.979	158.384.664.979
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	9%	2025	Tín chấp	364.929.000.713	-
					1.943.764.028.699	1.659.771.027.986

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 2.109.471 triệu VND (1/1/2022: 2.164.231 triệu VND) (Thuyết minh 17).

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
Lô 1	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2027	300.000.000.000	-
Lô 2	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2027	657.000.000.000	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				957.000.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, trái phiếu được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 do cá nhân có liên quan nắm giữ.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	101.549.681.225	86.340.357.372
Trích lập trong kỳ	40.800.767.447	34.020.927.825
Sử dụng trong kỳ	(16.945.422.348)	(6.172.329.972)
Số dư cuối kỳ	125.405.026.324	114.188.955.225

29. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.370.152.063

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	1.911.881.590.000	711.136.556.786	(4.320.000)	150.234.491.671	64.632.444.542	1.097.252.251.516	3.935.133.014.515
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	306.404.658.373	306.404.658.373
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	47.797.039.750	-	(47.797.039.750)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(34.020.927.825)	(34.020.927.825)
Số dư tại ngày 30/6/2021	1.911.881.590.000	711.136.556.786	(4.320.000)	198.031.531.421	64.632.444.542	1.321.838.942.314	4.207.516.745.063
Số dư tại ngày 1/1/2022	2.351.596.490.000	711.136.556.786	-	198.031.531.421	64.632.444.542	943.990.018.962	4.269.387.041.711
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	228.705.350.636	228.705.350.636
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(40.800.767.447)	(40.800.767.447)
Số dư tại ngày 30/6/2022	2.351.596.490.000	711.136.556.786	-	198.031.531.421	64.632.444.542	1.131.894.602.151	4.457.291.624.900

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	235.159.649	2.351.596.490.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	235.159.649	2.351.596.490.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	235.159.649	2.351.596.490.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.474.458.979	3.184.060.559
Trên một năm đến năm năm	13.897.835.915	12.736.242.236
	17.372.294.894	15.920.302.795

(b) Ngoại tệ

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	4.715	108.969.977	36.833	832.122.322

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	972.663.767.475	5.857.502.528.900
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	-	89.843.955.554
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	6.669.675.017	6.737.289.808
Doanh thu bán điện	317.698.336.482	189.406.237.820
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	653.401.642.183	978.272.032.575
Doanh thu khác	6.585.035.886	501.410.074
	1.957.018.457.043	7.122.263.454.731

34. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	875.298.736.144	5.558.781.318.261
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	-	79.132.420.885
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.503.048.314	3.647.790.344
Giá vốn bán điện	111.430.102.412	88.407.405.312
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	636.480.270.824	960.718.192.527
Giá vốn khác	6.751.891.775	501.410.074
	1.633.464.049.469	6.691.188.537.403

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi trả chậm	25.333.822.685	21.843.219.673
Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.363.514.932	419.644.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.961.194.889	2.769.311.060
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	153.162.591	2.746.574.334
	82.811.695.097	27.778.749.867

36. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	115.252.732.789	97.439.570.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	337.987.187	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(53.210.336.923)
	115.590.719.976	44.229.233.352

37. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.448.023.764	7.316.920.896
Chi phí bảo hành sản phẩm	-	1.456.101.868
Chi phí bán hàng khác	36.195.060	-
	6.484.218.824	8.773.022.764

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.607.703.296	1.262.250.595
Chi phí nhân công	21.126.125.297	30.763.298.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.144.165.599	1.258.162.651
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	1.800.953.843	(3.328.057.572)
Thuế, phí, lệ phí	976.646.122	409.728.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.720.217.153	10.013.043.236
Chi phí khác bằng tiền	3.356.631.616	3.760.315.791
	39.732.442.926	44.138.741.600

39. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	204.890.910	309.836.557
Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp	-	2.891.526.650
Nhận tiền đền bù trả cho việc giải phóng mặt bằng tại chi nhánh Yên Thường	-	6.950.414.139
Thu nhập khác	279.875.244	2.150.950.073
	484.766.154	12.302.727.419

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	151.341.356.850	1.054.496.625.089
Chi phí nhân công	29.067.909.245	43.712.873.725
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư cho thuê	66.230.218.581	64.643.824.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	768.183.665.040	4.855.483.437.591
Chi phí khác bằng tiền	41.823.514.920	31.645.052.648
	1.056.646.664.636	6.049.981.814.042

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.029.801.209	65.087.408.243
Dự phòng thiếu trong những năm trước	24.084.015	-
	<hr/>	<hr/>
	15.053.885.224	65.087.408.243
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	243.759.235.860	371.492.066.616
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	48.751.847.172	74.298.413.323
Chi phí không được khấu trừ thuế	342.923.217	63.055.499
Thu nhập không bị tính thuế	(11.072.702.986)	(83.928.960)
Ưu đãi thuế	(22.992.266.194)	(9.190.131.619)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	24.084.015	-
	<hr/>	<hr/>
	15.053.885.224	65.087.408.243
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ngoài các ưu đãi thuế sau đây, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Nam		
Doanh thu bán hàng hóa	-	263.511.879
Doanh thu bán thành phẩm	-	7.977.203.500
Doanh thu dịch vụ	15.719.666	27.948.476
Dịch vụ xây lắp	83.790.623.133	204.035.398.025
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Đại Mỹ		
Doanh thu bán thành phẩm	-	8.927.273.088
Dịch vụ xây lắp	-	84.284.674.478
Doanh thu cho thuê	172.037.509	-
Mua hàng hóa	36.506.715.864	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh		
Doanh thu bán thành phẩm	-	53.214.041.938
Dịch vụ xây lắp	-	110.118.460.700
Mua hàng hóa	19.041.469.151	-
Lợi nhuận được chia	9.226.338.660	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình		
Doanh thu cho thuê	276.686.550	202.608.000
Doanh thu bán thành phẩm	-	51.083.224
Doanh thu dịch vụ	41.680.164	46.763.663
Dịch vụ xây lắp	-	220.100.768.906
Mua hàng hóa	87.380.242.977	-
Công ty TNHH MTV PCI Nàng Hương		
Doanh thu cho thuê văn phòng	885.946.591	775.232.506
Mua hàng hóa	930.412.610	1.019.001.242

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hoàng Mai		
Doanh thu bán thành phẩm	1.312.649.440	14.393.672.240
Doanh thu cho thuê	74.609.101	76.158.001
Dịch vụ xây lắp	28.103.333	197.470.311.618
Mua hàng hóa	75.375.650.882	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc		
Doanh thu bán hàng hóa	-	85.700.398
Doanh thu bán thành phẩm	-	1.208.401.896
Doanh thu dịch vụ	121.291.126	4.687.671
Dịch vụ xây lắp	-	135.000.546.861
Mua hàng hóa	36.884.468.909	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm		
Doanh thu bán hàng hóa	-	778.104.401
Doanh thu bán thành phẩm	-	30.531.776
Doanh thu cho thuê	225.650.510	10.417.466
Doanh thu dịch vụ	2.320.000	-
Dịch vụ xây lắp	-	39.515.996.298
Mua hàng hóa	29.079.294.934	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông		
Doanh thu bán thành phẩm	-	3.502.264.740
Doanh thu bán hàng hóa	-	569.741.354
Doanh thu cho thuê	79.637.771	102.112.003
Dịch vụ xây lắp	-	94.275.496.419
Mua hàng hóa	8.732.708.276	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình		
Doanh thu cho thuê	34.020.530	-
Dịch vụ xây lắp	-	80.718.289.891
Lãi cho vay	163.835.616	-
Mua hàng hóa	800.733.580	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu		
Doanh thu cho thuê	33.763.290	33.763.288
Cổ tức công bố	22.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam		
Doanh thu cho thuê	115.854.546	115.854.546
Cổ tức công bố	433.500.000	382.500.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình		
Cổ tức công bố	3.565.716.000	-
Thanh toán gốc vay	10.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	167.130.191	1.604.838.839
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình		
Doanh thu cho thuê	47.650.908	47.650.910
Cổ tức công bố	7.951.200.000	-
Chi phí lãi vay	-	1.110.298.134
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm		
Dịch vụ vận hành	10.352.309.423	18.023.091.838
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc		
Doanh thu dịch vụ	2.712.000.000	-
Cổ tức công bố	11.678.975.272	-
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập		
Doanh thu xây lắp	38.036.904.300	1.047.238.174.236
Lãi cho vay	384.314.313	3.689.611.464
Cho vay mới	381.316.650	-
Doanh thu khác	150.650.000	-
Công ty TNHH Cổ phần Điện gió Phong Huy		
Doanh thu xây lắp	-	1.056.275.691.693
Lãi cho vay	1.563.099.030	1.145.898.135
Cho vay mới	13.205.427.935	-
Doanh thu khác	150.650.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên		
Doanh thu xây lắp	-	1.030.753.195.717
Doanh thu khác	150.650.000	-
Lãi cho vay	1.563.099.030	347.451.650
Cho vay mới	13.205.427.935	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ		
Lãi cho vay	-	145.315.068
Dịch vụ xây lắp	-	140.553.716.758
Cổ tức công bố	306.000.000	-
Mua hàng hóa	22.339.577.900	-
Cho vay mới	2.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2021
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát		
Lãi cho vay	2.761.878.501	3.189.884.493
Doanh thu khác	2.603.309.362	-
Cho vay mới	22.526.277.500	-
Thu hồi gốc cho vay	23.755.044.623	-
Mua cổ phần	65.357.070.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ		
Lãi cho vay	-	1.521.838.356
Thanh toán gốc vay	60.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.083.673.973	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại		
Chi phí lãi vay	2.088.410.959	-
Thanh toán gốc vay	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm		
Cho vay mới	15.000.000.000	-
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên		
Lãi cho vay và lãi trả chậm	1.101.258.225	-
Mua hàng hóa	1.342.135.680	-
Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK		
Doanh thu cho thuê	136.448.184	-
Mua hàng hóa	1.686.798.489	-
Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) (5 thành viên)		
Lương, thưởng và thù lao	3.254.794.045	3.338.830.221
Ban Tổng Giám đốc không là thành viên HĐQT (3 thành viên)		
Lương và thưởng	1.668.753.763	1.570.868.324
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (4 thành viên)		
Lương, thưởng và thù lao	1.534.489.650	1.207.938.063

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi cho vay nhập gốc	4.931.090.020	-

44. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

T H H N